TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/DS-ST
Ngày: 28/8/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Đỗ Xuân Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Quản.
2. Bà Mai Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 20/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST–DS ngày 12/8/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị T – sinh năm 1969(có mặt).
Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.
* *Bị đơn*: Bà Mai Thị C – sinh năm 1970(có mặt).
Địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.
* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Phan Thị L – sinh năm 1988.
Địa chỉ: Xóm 3, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2019 và trình bày của nguyên đơn:

Bà Mai Thị T và bà Mai Thị C có quen biết nhau. Ngày 15/4/2018 bà C đến nhà bà T hỏi vay số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) để đảo sổ ngân hàng, bà T đồng ý và hai bên viết giấy vay tiền với thỏa thuận đến ngày 15/5/2018 bà C sẽ hoàn trả, lãi xuất được thỏa thuận bằng miệng. Đến hạn trả nợ bà T đã nhiều lần đến nhà bà C để hỏi nợ, nhưng bà C trốn tránh không trả. Nay bà T làm đơn đề nghị Tòa án buộc bà C phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi xuất 1%/tháng kể từ ngày 01/01/2019 cho đến khi trả hết nợ.

* Theo bị đơn bà Mai Thị C trình bày: Bà và bà Mai Thị T có quen biết nhau, do cháu bà là chị Phan Thị L làm ăn khó khăn, con đau ốm thường xuyên nên có nhờ bà đứng ra vay bà T số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) vào ngày 15/4/2018. Do chưa có điều kiện nên bà chưa trả được số tiền trên cho bà T. Nay bà đề nghị xin được trả dần cho bà T và xin không phải trả lãi xuất.

* Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị L trình bày:

Do điều kiện kinh tế khó khăn, con thường xuyên đau ốm nên chị có nhờ bà C (là Thím) đứng ra vay bà T số tiền 60.000.000đ(*Sáu mươi triệu đồng*) vào ngày 15/4/2018 (bà C ký nhận người vay, chị L ký nhận người thừa kế trả nợ và trực tiếp nhận tiền từ bà T). Đến hạn trả nợ chị vẫn chưa có tiền để trả cho bà T, do vậy chị sẽ có trách nhiệm đối với số tiền trên do bà C vay cho chị. Tuy nhiên, chị đề nghị bà T tạo điều kiện cho chị được trả dần trong 02 năm và xin không tính lãi xuất.

* Quá trình giải quyết tại Tòa án: Bà C thừa nhận có vay và còn nợ bà T số tiền gốc là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*). Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa,căn cứ vào ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hôi đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Mai Thị T và bà Mai Thị C là tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với "Hợp đồng vay tiền mặt" ngày 15/4/2018, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự đã làm bản tự khai nêu quan điểm và yêu cầu của mình. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải những vấn đề mà các bên đương sự yêu cầu nhưng các bên đương sự không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Do vậy, ngày 12/8/2019, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 15/4/2018 bà Mai Thị C đã viết giấy và ký nhận vay bà Mai Thị T số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) có thời gian trả nợ (ngày 15/5/2018), không thể hiện việc thế chấp, lãi xuất (có thỏa thuận bằng miệng). Hợp đồng có nội dung rõ ràng, người vay và người thừa kế trả nợ đã ký nhận, thuộc phạm vi mà pháp luật quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Như vậy là giao dịch hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của bà Mai Thị T: Đề nghị Tòa án buộc bà Mai Thị C thanh toán số tiền nợ gốc 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi xuất

1%/tháng từ ngày 01/01/2019 là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của bà Mai Thị C: Ngày 15/4/2018 bà có vay bà T số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) hộ cho chị L và viết giấy nhận vay nợ là có thật, do khó khăn nên đến nay bà vẫn chưa trả được cho bà T số tiền trên. Tuy nhiên, bà đề nghị xin được trả dần cho bà T và xin không tính lãi xuất. Đề nghị của bà C là không phù hợp với thực tế, không được bà T chấp nhận và không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, nên buộc bà C phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 60.000.000đ(*Sáu mươi triệu đồng*) và lãi xuất 1%/tháng tính từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày xét xử.

[5] Xét đề nghị của chị Phan Thị L: Việc bà C đứng ra vay bà T cho chị số tiền 60.000.000đ(*Sáu mươi triệu đồng*) vào ngày 15/4/2018 là có thật, do làm ăn khó khăn nên chị chưa có để đưa bà C trả cho bà T, nay chị đề nghị được trả dần trong 02 năm và không tính lãi xuất. Đề nghị của chị L là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét vì không phù hợp với thực tế và không đúng với các quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa bà Mai Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận, hòa giải với nhau được hướng giải quyết vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

[7] Như vậy, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T, tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp và hòa giải, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Việc bà Mai Thị C còn nợ số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) của bà Mai Thị T là đúng thực tế. Cho nên, buộc bà Mai Thị C phải có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị T số tiền gốc 60.000.000đ(*Sáu mươi triệu đồng*) và lãi xuất được tính 1%/tháng từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày xét xử (là 07 tháng 28 ngày) = 4.760.000đ(*Bốn triệu, bảy trăm, sáu mươi nghìn đồng*).

[8] Về án phí: Bà Mai Thị C là bên vi phạm hợp đồng nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Bà Mai Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 351; 463; 466 của Bộ luật dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T. Buộc bà Mai Thị C phải trả cho bà Mai Thị T số tiền nợ gốc 60.000.000đ và tiền lãi 4.760.000đ. Tổng cộng là 64.760.000đ(*Sáu mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà C không thi hành thì hàng tháng bà C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Buộc bà Mai Thị C phải nộp 3.238.000đ(*Ba triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sư sơ thẩm. Trả lại cho bà Mai Thị T số tiền tạm ứng án phí 1.500.000đ(*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005853, ngày 21/6/2019.

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Xuân Hùng